TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 02-02-2023
V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Hai**.
2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Hồng Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 632/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Kim L - sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn P - sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông P *và ông* N *đều có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn bà* Thái Kim L *trình bày như sau:*

Vào ngày 23/01/2022, ông N có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, việc vay tiền có xác lập biên nhận. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay ông N không đóng lãi cũng không trả số tiền vay cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Trong biên nhận tiền có thể hiện người vay tiền là ông N và bà Huỳnh Thị H nhưng chỉ có một mình ông N ký tên nên bà xác định chỉ khởi kiện một mình ông N.

Giữa bà và ông N chỉ có xác lập với nhau biên nhận ngày 23/01/2022 mà bà đã giao nộp, ngoài ra không còn biên nhận nào khác.

Nay bà L yêu cầu ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Đồng thời yêu cầu ông N phải có trách nhiệm trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, ông* Bùi Văn P *là đại diện theo ủy quyền của bà* Thái Kim L *trình bày:* Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày của bà L, yêu cầu ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu ông N phải trả lãi suất.

** Bị đơn là ông* Huỳnh Hữu N *trình bày:*

Trước đây giữa ông và bà L có thỏa thuận vay tiền nhiều lần, tổng số tiền cả nợ gốc và lãi suất là 57.000.000 đồng, bà L có lập biên nhận và giữ biên nhận, ông không có giữ bất kỳ biên nhận nào.

Ngoài ra, ông còn trình bày vào ngày 23/02/2022, ông có vay thêm của bà L số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng đến ngày 24/02/2022 thì ông đã gửi tiền cho em gái của bà L để nhờ trả lại cho bà L (không có gì để chứng minh) nhưng do sơ ý nên ông không lấy lại biên nhận gốc. Nay bà L xuất trình biên nhận với số tiền là 150.000.000 đồng thì ông không đồng ý do số tiền này ông đã trả xong. Tuy nhiên, trong vụ án này ông N không có yêu cầu gì đối với em gái của bà L, nếu cần thiết thì ông sẽ khởi kiện em của bà L bằng một vụ kiện khác.

Nay ông N chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vay 57.000.000 đồng, ngoài ra không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào khác cho bà L.

* *Ông* Bùi Văn P *trình bày bổ sung:* Việc ông N cho rằng vào ngày 23/02/2022 ông N có vay của bà L 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và đã trả cho em của bà L vào ngày 24/02/2022 để nhờ trả lại cho bà L thì ông P xác định bà L không có nhận bất kỳ khoảng tiền 150.000.000 đồng nào từ em của bà L. Ông P còn cho rằng giữa biên nhận nợ đề ngày 23/01/2022 và lời trình bày của ông N về khoảng vay ngày 23/02/2022 là trùng khớp về số tiền vay 150.000.000 đồng nhưng thời điểm vay cách nhau là 01 tháng, ông trình bày có thể do nhầm lẫn nên ghi sai tháng 02 thành tháng 01, nay ông cũng thống nhất với ông N về thời gian vay là ngày 23/02/2022 thay vì ngày 23/01/2022 như trong đơn khởi kiện. Ngoài ra thì bà L không có cho ông N vay thêm khoảng vay nào khác với số tiền là 150.000.000 đồng, còn việc ông N có vay của bà L khoảng vay nào khác nữa hay không thì ông không rõ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Biên nhận đề ngày 23/01/2022, khổ giấy A5, chữ in màu xanh, chữ viết tay màu đen. Đối với các chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp thì bị đơn đã biết nên không yêu cầu sao chụp lại, đối với chứng cứ này thì bị đơn không thống nhất do số tiền này bị đơn đã trả xong nhưng quên không lấy lại biên nhận gốc, hiện tại ông xác định chỉ còn thiếu nợ của bà L số tiền 57.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 150.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Do nơi cư trú bị đơn ở xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Thái Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay là 150.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Bà L xác định có thỏa thuận cho ông N vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 23/01/2022, đã được bà L chứng minh bằng biên nhận vay tiền do ông N viết và ký tên đề ngày 23/01/2023; tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà L thống nhất với lời trình bày của ông N về thời gian vay tiền và xác định hợp đồng vay giữa bà L và ông N được xác lập ngày 23/02/2022 thay vì ngày 23/01/2022 như đơn khởi kiện. Đối với bị đơn ông Huỳnh Hữu N, ông trình bày trước đây có vay tiền của bà L nhiều lần với tổng số tiền là 57.000.000 đồng, ông cho rằng hai bên đã chốt nợ vào ngày 23/01/2022. Đến ngày 23/02/2022 thì ông có vay thêm của bà L số tiền 150.000.000 đồng, ông có viết biên nhận và ký tên nhưng không có ghi ngày và giao cho bà L giữ biên nhận, đến nay bà L xuất trình biên nhận đề ngày 23/01/2022 là không đúng, thực tế ông vay ngày 23/02/2022 và đến ngày 24/02/2022 thì ông đáo hạn ngân hàng xong nên đã trả cho bà L thông qua em gái của bà L nhưng ông cũng không có gì chứng minh đã trả số tiền 150.000.000 đồng này; mặt khác, ông N cũng không xác định được thông tin liên quan đến em gái của bà L và cũng không có yêu cầu gì đối với em gái của bà L. Nay ông xác định chỉ còn nợ của bà L số tiền là 57.000.000 đồng.

[5] Như vậy, ông N thừa nhận có viết và ký tên vào biên nhận đề ngày 23/01/2022 do bà L xuất trình nhưng ông không thống nhất ngày ghi trong biên nhận là ngày 23/01/2022, ông cho rằng ngày thỏa thuận vay số tiền 150.000.000 đồng là ngày 23/02/2022, do tin tưởng nên ông không ghi ngày mà để bà L tự ghi và giữ biên nhận. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với bị đơn về thời điểm xác lập hợp đồng vay là ngày 23/02/2022.

[6] Việc ông N cho rằng vào ngày 24/02/2022 thì ông đã đáo hạn ngân hàng xong đồng thời ông đã trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng nhưng ông không trả tiền trực tiếp cho bà L mà gửi cho em gái của bà L, việc trả tiền không có làm biên nhận và cũng không có lấy biên nhận lại. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn không thừa nhận việc ông đã trả số tiền 150.000.000 đồng thì ông cũng không có gì để chứng minh việc đã trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng mà ông thừa nhận chỉ còn nợ bà L số tiền 57.000.000 đồng.

[7] Ngoài ra, ông N còn trình bày ông không xác định được thông tin liên quan đến em của bà L nên không cung cấp được cho Tòa án và ông cũng không có yêu cầu gì đối với em của bà L, khi nào xác định được thông tin đối với em của bà L và có đầy đủ chứng cứ thể hiện có đưa tiền cho em của bà L thì ông sẽ khởi kiện em gái của bà L bằng một vụ kiện khác.

[8] Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa bà Thái Kim L và ông Huỳnh Hữu N với số tiền 150.000.000 đồng được xác lập ngày 23/02/2022 là có thật, ông N trình bày đã trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà L nhưng ông không có gì để chứng minh nên việc bà L khởi kiện yêu cầu ông N phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu về lãi suất, xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất.

[10] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim L. Buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thái Kim L số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn, do đó ông N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Đối với việc ông N trình bày có giao số tiền 150.000.000 đồng cho em gái của bà Thái Kim L, tại phiên tòa ông N xác định không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp ông N có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Kim L. Buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thái Kim L số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim L về phần lãi suất.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Hữu N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

- Bà Thái Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.143.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014543 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Trường Chinh